

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ PHÚC CHU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~477~~7/QĐ-UBND

Phúc Chu, ngày 12 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán ngân sách xã Phúc Chu 9 tháng đầu năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC CHU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;
Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Thông tư 03/2005/TT-BTC ngày 06/11/2005 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;
Căn cứ Nghị định số 130/2015/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Quyết định số: 7688/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Định Hóa. Về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 huyện Định Hóa;
Căn cứ Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 30/12/2021 của HĐND xã Phúc Chu về phê chuẩn phân bổ dự toán ngân sách nhà nước xã năm 2022;
Xét đề nghị của Ban Tài chính xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Phúc Chu 9 tháng đầu năm 2022, chi tiết cụ thể như sau:

1. Tổng thu: **3.789.541.332 đồng/4.448.000.000 đồng** đạt 85,2% Bao gồm cả tiền kết dư ngân sách năm 2021 chuyển sang (Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm tám mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi một nghìn ba trăm ba mươi hai đồng./.).

Trong đó:

Thu trong cân đối ngân sách xã: 168.797.890 đồng.

Phúc Chu, ngày 12 tháng 10 năm 2022

CÔNG KHAI THUYẾT MINH

Tình hình tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 9 tháng năm 2022

Căn cứ Quyết định số 7688/QĐ - UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện Định Hóa về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Định Hóa năm 2022,

Căn cứ Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 30/12/2021 của HĐND xã Phúc Chu về phê chuẩn phân bổ dự toán ngân sách nhà nước xã năm 2022,

Công khai thuyết minh tình hình tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 9 tháng năm 2022 như sau:

1. Tổng thu: **3.789.541.332 đồng/4.448.000.000 đồng** đạt 85,2% Bao gồm cả tiền kết dư ngân sách năm 2021 chuyển sang (*Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm tám mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi một nghìn ba trăm ba mươi hai đồng./.*).

Trong đó:

-Thu trong cân đối ngân sách xã: 168.797.890 đồng.

-Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 3.514.730.000 đồng.

-Thu kết dư ngân sách: 106.013.442 đồng

2. Tổng chi ngân sách: **3.630.291.063 đồng /4.448.000.000 đồng** đạt 81,6% (*Bằng chữ: Ba tỷ sáu trăm ba mươi triệu hai trăm chín mươi một nghìn không trăm sáu mươi ba đồng./.*).

Trên đây là bản công khai thuyết minh tình hình thu - chi ngân sách 9 tháng năm 2022 của UBND xã Phúc Chu./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND - MTTQ;

- Lưu,

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nông Hồng Nhậm

Phúc Chu, ngày 12 tháng 10 năm 2022

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai số liệu dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2022,
xã Phúc Chu**

- Kính gửi:**
- Đảng ủy - HĐND xã Phúc Chu
 - Các tổ chức Chính trị - xã hội xã Phúc Chu
 - Các Ông (bà) Trưởng xóm trên địa bàn xã Phúc Chu

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 30/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Phúc Chu về phê chuẩn phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND xã Phúc Chu về việc công bố công khai dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 xã Phúc Chu;

Ủy ban Nhân dân xã Phúc Chu thông báo đến Đảng ủy - HĐND - các tổ chức chính trị - xã hội và các ông, bà trưởng xóm một số nội dung như sau:

1. UBND xã thực hiện việc niêm yết công khai dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2022, xã Phúc Chu bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc, trên trang thông tin điện tử của xã và trên cụm loa truyền thanh cầu xã. Gồm các mẫu biểu: Biểu số 113/CKTC-NSNN; Biểu số 114/CKTC-NSNN; Biểu số 115/CKTC-NSNN.

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 8 giờ ngày 12 tháng 10 năm 2022 đến 17 giờ ngày 10 tháng 01 năm 2023 (90 ngày liên tục).

2. Các ông (bà) Trưởng xóm thông báo trên cụm loa truyền thanh của xóm hoặc tại các buổi họp xóm về hình thức niêm yết và số liệu dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2022, xã Phúc Chu để bà con nhân dân được biết.

Trên đây là Thông báo của UBND xã về việc niêm yết công khai số liệu dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2022, xã Phúc Chu. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, các bộ phận chuyên môn và các ông, bà trưởng xóm triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Đảng ủy - HĐND
- Các tổ chức chính trị - XH
- 9 ông, bà trưởng xóm;
- Lưu VP, KT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nông Hồng Nhậm

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM 2022 | | THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 | | SO SÁNH (%) | |
|------------|---|----------------------|----------------------|--------------------------------|----------------------|--------------|--------------|
| | | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3/1 | 6=4/2 |
| | TỔNG THU | 4.467.000.000 | 4.448.000.000 | 3.805.576.524 | 3.789.541.332 | 85% | 85% |
| I | Các khoản thu 100% | 14 000 000 | 14 000 000 | 148 799 890 | 148 799 890 | 1063% | 1063% |
| | Phí, lệ phí | 10 000 000 | 10.000.000 | 16.727.000 | 16.727.000 | 167% | 167% |
| | Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác | | | | | | |
| | Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp | | | | | | |
| | Thu phạt, tịch thu khác theo quy định | | | | - | | |
| | Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định | | | | | | |
| | Đóng góp của nhân dân theo quy định | | | 129.000.000 | 129.000.000 | | |
| | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân | | | | | | |
| | Thu khác | 4 000 000 | 4.000.000 | | | 0% | 0% |
| | Các khoản thu khác (Thu theo kết luận thanh tra) | | | 3.072.890 | 3.072.890 | | |
| II | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) | 96 000 000 | 77 000 000 | 36 033 192 | 19 998 000 | 38% | 26% |
| 1 | Các khoản thu phân chia | | | | | | |
| | - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 500 000 | 500.000 | | | 0% | 0% |
| | - Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình | | | | | | |
| | - Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh | 3 500 000 | 3.500.000 | 3.000.000 | 3.000.000 | 86% | 86% |
| | - Lệ phí trước bạ nhà, đất | | | | | | |
| 2 | Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định | | | | | | |
| | Thuế GTGT | 28 000 000 | 28.000.000 | 16.998.000 | 16.998.000 | 61% | 61% |
| | Thuế sử dụng đất | 50 000 000 | 45.000.000 | | | 0% | 0% |
| | Thuế TNCN | 14 000 000 | | 16.035.192 | | 115% | |
| III | Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có) | | | | | | |
| IV | Thu chuyển nguồn | | | | | | |
| V | Thu kết dư ngân sách năm trước | | | 106.013.442 | 106.013.442 | | |
| VI | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 4.357.000.000 | 4.357.000.000 | 3.514.730.000 | 3.514.730.000 | 81% | 81% |
| | - Thu bổ sung cân đối | 3.878.400.000 | 3.878.400.000 | 3.275.000.000 | 3.275.000.000 | 84% | 84% |
| | - Thu bổ sung có mục tiêu | 478.600.000 | 478.600.000 | 239.730.000 | 239.730.000 | 50% | 50% |

UBND XÃ PHÚC CHU

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022



Biểu số 113/CK.TC-NSNN

Đơn vị: đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM | ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 | SO SÁNH |
|-----------|--|----------------------|------------------------------------|------------|
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 |
| I | TỔNG SỐ THU | 4.448.000.000 | 3.789.541.332 | 85% |
| 1 | Các khoản thu xã hưởng 100% | 14.000.000 | 148.799.890 | 1063% |
| 2 | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1) | 77.000.000 | 19.998.000 | 26% |
| 3 | Thu bổ sung | 4.357.000.000 | 3.514.730.000 | 81% |
| | - Thu bổ sung cân đối | 3.878.400.000 | 3.275.000.000 | 84% |
| | - Thu bổ sung có mục tiêu | 478.600.000 | 239.730.000 | 50% |
| 4 | Thu chuyển nguồn | - | - | |
| 5 | Thu kết dư ngân sách | | 106.013.442 | |
| II | TỔNG SỐ CHI | 4.357.000.000 | 3.630.291.063 | 83% |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | - | 341.500.000 | |
| 2 | Chi thường xuyên | 4.278.000.000 | 3.209.791.063 | 75% |
| 3 | Dự phòng | 79.000.000 | 79.000.000 | 100% |
| | | | | |

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đơn vị: đồng

| STT | NỘI DUNG | DUY TOÁN NĂM 2022 | | | ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 | | | SO SÁNH (%) | | |
|-----|--|----------------------|------|----------------------|------------------------------------|--------------------|----------------------|-------------|-------|------------|
| | | TỔNG SỐ | XDCB | TX | TỔNG SỐ | XDCB | TX | TỔNG SỐ | XDCB | TX |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=4/1 | 8=5/2 | 10=6/3 |
| | TỔNG CHI | 4.448.000.000 | | 4.448.000.000 | 3.630.291.063 | 341.500.000 | 3.209.791.063 | 82% | | 72% |
| | Trong đó | | | | | | | | | |
| 1 | Chi giáo dục | | | | | | | | | |
| 2 | Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ | | | | | | | | | |
| 3 | Chi y tế | | | | | | | | | |
| 4 | Chi văn hóa, thông tin | 35.000.000 | | 35.000.000 | 20.250.000 | | 20.250.000 | 58% | | 58% |
| 5 | Chi phát thanh, truyền thanh | | | | | | | | | |
| 6 | Chi thể dục thể thao | 25.000.000 | | 25.000.000 | 8.380.000 | | 8.380.000 | 34% | | 34% |
| 7 | Chi bảo vệ môi trường | | | | | | | | | |
| 8 | Chi các hoạt động kinh tế | 35.000.000 | | 35.000.000 | | | | 0% | | 0% |
| 9 | Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | 4.044.360.000 | | 4.044.360.000 | 3.042.283.063 | | 3.042.283.063 | 75% | | 75% |
| 10 | Chi cho công tác xã hội | 184.640.000 | | 184.640.000 | 138.878.000 | | 138.878.000 | 75% | | 75% |
| 11 | Chi ĐTXD tư tiên thu tiền sử dụng đất | 45.000.000 | | 45.000.000 | | | | | | |
| 12 | Dự phòng ngân sách | 79.000.000 | | 79.000.000 | 79.000.000 | | 79.000.000 | 100% | | 100% |
| 13 | Chi đầu tư XDCB | | | | 341.500.000 | | 341.500.000 | | | |

